

改番	日付	Rev.	記事	担	加工公差表示			
1	2003.7.30	-	部品統合寸法修訂圖書AA/AB	曾	0.0000	±0.002	0.000+0	+0 -0.005
	-	-	-	-	0.000	±0.005	0.000-0	+0.005 -0
	-	-	-	-	0.00	±0.01	0.00+0	+0 -0.01
	-	-	-	-	0.0	±0.1	0.00-0	+0.01 -0
	-	-	-	-	0	±0.2	0.0+0	+0 -0.1
	-	-	-	-			0.0-0	+0.1 -0

公差表示されている場合は、それを優先する

GS1:

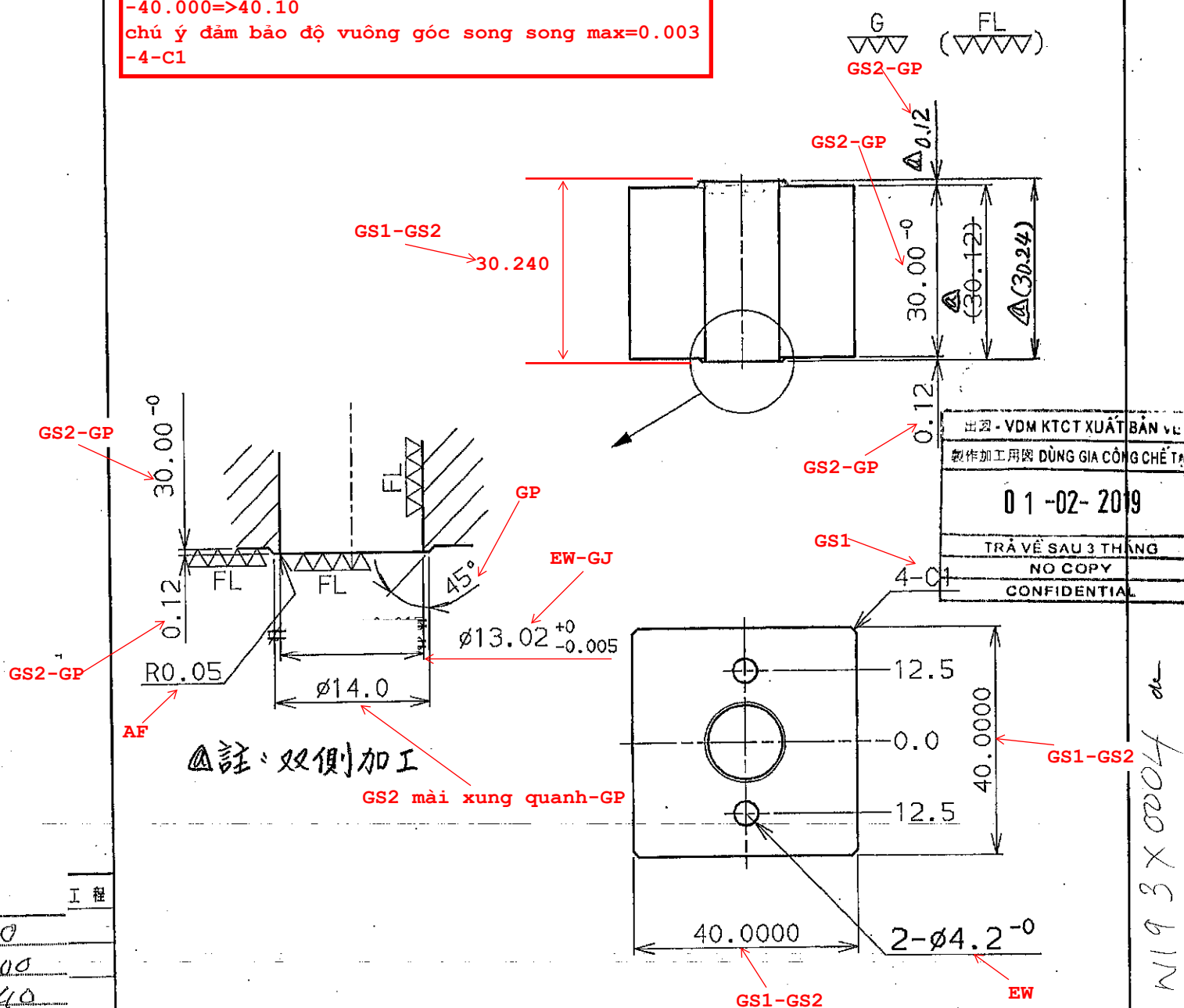
-30.240 lượt sáng

-40.000=&gt;40.10

-40.000=&gt;40.10

chú ý đảm bảo độ vuông góc song song max=0.003

-4-C1



註: 双側加工

GS2 mài xung quanh-GP

孔突縁下模

新圖面番號 S422181

部品名	材質	数量	設備名称			
ベアリングダイ	WC (D25/HIP)	1	RS-550PC 大ケース センターベアリング型			
熱処理	表面処理	検閲	設計	製図	日付	共通部品番号
焼入 焼戻 HRC -	-	加瀬	松本	松本	1999-2	1-009
図面番	尺寸	面番	TM12-047M-00-1-009-AA			
1	( / )	番				

BT p 542218) ④ NG Têko Vhư = ④ 株式会社

213 19 02 004

SNO: **S422181**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>BTP S422181</b>	GS1:120 EW:200 GJ:200 GS2:200 GP:350 AF:20 KT